

(V/v: Công bố năng lực đủ điều kiện hoạt
động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
trạm thí nghiệm hiện trường)

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: - Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám sát tư pháp xây dựng và Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn thông tư 06/2017/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 25/4/2017 Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của bộ Xây dựng.

Căn cứ công văn số 1707/SXD-KTVLXD ngày 15/01/2026 của sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai, phổ biến quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1.1. Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0108110128 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 25 tháng 04 năm 2024. Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Địa chỉ: No07-LK16, khu đất dịch vụ LK20a; LK20b, phường Dương Nội, TP Hà Nội

Điện thoại: 0916927881

Email: ctygdcl@gmail.com

Mã số thuế: 0108110128

Website: thinghiemvlsx1414.com

1.2. Tên phòng thí nghiệm: PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LAS-XD 1414

Địa chỉ: Số 1075 đường Giải Phóng, phường Hoàng Mai, TP Hà Nội

Trưởng phòng: ĐẶNG TUẤN PHƯƠNG

Điện thoại: 0989237583

Email: giamdinhclct@gmail.com

1.3. Thông tin Trạm thí nghiệm hiện trường:

- Tên trạm thí nghiệm hiện trường: **Trạm thí nghiệm hiện trường TP Hồ Chí Minh LAS-XD 1414**

- Địa chỉ: Đại học Nguyễn Tất Thành, Phường Tăng Nhơn Phú, thành phố Hồ Chí Minh

- Trưởng Trạm: MAI THANH TÙNG

- Điện thoại: 0901466444

- Email: giamdinhclct@gmail.com

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trạm thí nghiệm hiện trường TP Hồ Chí Minh LAS-XD 1414):

2.1. Danh sách các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
I - THỬ NGHIỆM CƠ - LÝ XI MĂNG				
1	Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 4787:2009	Gáo múc, ống múc, dụng cụ lấy mẫu hình xoắn vít; muống xúc; xô đựng mẫu, thùng, túi, bao bì, dụng cụ niêm phong mẫu.	Dur Văn Biên; Trương Thế Danh
2	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003 TCVN 13605:2023 ASTM C204-23 AASHTO T128, T133, T153, T192	Sàng tiêu chuẩn, bình đựng, đồng hồ bấm giây, bộ dụng cụ ấn xuyên, kim xuyên, nhiệt kế, côn thử độ sụt, bàn rung tạo mẫu, khuôn đúc mẫu	Mai Thanh Tùng; Dur Văn Biên; Trương Thế Danh
3	Độ bền uốn, nén	TCVN 6016:2011 ASTM C109, C348, C349, D1635; AASHTO T106	Bộ sàng tiêu chuẩn, máy trộn hành tinh, khuôn (4x4x16cm; 5x5x5cm), thiết bị dẫn tự động, máy nén thủy lực NYL300, gá định vị uốn, gá định vị nén, tủ dưỡng hộ nhiệt ẩm, cân điện tử 3000g x 0.01g	Mai Thanh Tùng; Dur Văn Biên; Trương Thế Danh
4	Độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết, độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015 ASTM C187, C191, C359 AASHTO T129, T131	Cân điện tử 3000g x 0.01g, buret, máy trộn, nước cất, đồng hồ bấm giây, thước kẹp 200mmx0.02mm, bộ dụng cụ Vica, dụng cụ Le Chatelier, thùng lược mẫu, tủ dưỡng hộ nhiệt ẩm	Mai Thanh Tùng; Dur Văn Biên; Trương Thế Danh
II - THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG				
5	Phương pháp lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu	TCVN 3105:2022; ASTM C31, C42; AASHTO T31	Khay, thùng, xẻng, bay, khuôn đúc mẫu, đầm dùi, thanh đầm, bàn rung...	Dur Văn Biên; Trương Thế Danh
6	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông; xác định độ chảy xòe, chảy loang, thời gian chảy qua phễu V của bê tông tự lèn	TCVN 3106:2022 TCVN 12209:2018 ASTM C143, C1611 AASHTO T119, T347	Côn thử độ sụt, muống xúc, khay tôn 50x50x5cm, thanh đầm, phễu đổ hỗn hợp, thước lá kim loại 100cmx1mm	Mai Thanh Tùng; Dur Văn Biên; Trương Thế Danh

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
7	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022 ASTM C138 AASHTO T121	Thùng kim loại 5 lít, 15 lít, thiết bị đầm (2800-3000 v/ph, biên độ 0.35-0.5mm), cân điện tử 30kgx1.0g, thước lá kim loại 100cmx1mm	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
8	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993	Cân điện tử 100kgx10g, cân điện tử 30kgx1.0g, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, khay sấy, xẻng xúc	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
9	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:2022 ASTM C642	Cân điện tử 30kgx1.0g, thước lá kim loại, bếp điện và thùng nấu paraffin, tủ sấy	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
10	Xác định độ chống thấm của bê tông	TCVN 3116:2022	Máy thử độ chống thấm, bàn chải sắt, parafin, tủ sấy, gá thử lắp mẫu thấm, khuôn đúc mẫu thấm	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
11	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 3118:2022 ASTM C39, C42 AASHTO T22, T24	Máy nén thủy lực TYE-2000, thước lá kim loại, đệm truyền tải, cân điện tử 30kgx1.0g, bộ dụng cụ capping, bột capping	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
12	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ cấu kiện	TCVN 12252:2020 TCXDVN 239 : 2006 ASTM C42 AASHTO T24	Máy khoan bê tông lưỡi bằng kim cương, máy cắt bê tông lưỡi bằng kim cương, bộ dụng cụ capping, bể ngâm mẫu	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
13	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông	TCVN 10306:2014 778/1998/QĐ-BXD	Máy trộn; máy đầm; bàn rung tạo mẫu; dụng cụ đo độ sụt; cân kỹ thuật; khuôn đúc mẫu; thùng bảo dưỡng mẫu.	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
III - THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA				
14	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006	Cân kỹ thuật; xẻng ,bay, muổng xúc, bộ dụng cụ chia mẫu.	Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
15	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006 AASHTO T27, T11 ASTM C136, C117	Cân điện tử 30kgx1.0g, 3000gx0.01g, bộ sàng tiêu chuẩn (100; 70; 40; 20; 10; 5; 2.5; 1.25; 0.63; 0.315 và 0.14mm), bộ sàng vuông (90; 75; 63; 50; 37,5; 31.5; 25; 19; 12,5; 9,5; 4,75; 2,36; 1,18; 0,63; 0,315; 0,15 và 0,075mm, tủ sấy, khay	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
16	Khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006 AASHTO T84, T85 ASTM C127, C128	Cân điện tử 3000gx0.01g, tủ sấy, côn thử độ sụt cốt liệu, bình tam giác miệng rộng dung tích 1.5 lít, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, sàng 5.0mm và 0.14mm, phễu chứa vật liệu, bình hút ẩm	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
17	Khối lượng riêng; Khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006 ASTM C127 AASHTO T:85	Cân điện tử 30kgx1.0g và 3000gx0.01g, cân thủy tĩnh 3000gx0.01g và giỏ đựng mẫu, thùng ngâm mẫu, khăn thấm, thước kẹp, bàn chải sắt, tủ sấy	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
18	Xác định khối lượng thể tích xếp và độ hong	TCVN 7572-6:2006 AASHTO T19 ASTM C29	Thùng đóng kim loại dung tích 1; 2; 5; 10 và 20 lít, cân điện tử 100kgx10g, 30kgx1.0g, phễu chứa vật liệu, thanh gạt phẳng, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, thước lá kim loại	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
19	Xác định độ ẩm, độ hút ẩm	TCVN 7572-7:2006 TCVN 10321:2014 AASHTO T255 ASTM C566	Cân điện tử 3000gx0.01g, tủ sấy, dụng cụ đảo mẫu, khay sấy, muỗng xúc	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
20	Hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006 ASTM C117, C142 AASHTO T11, T112	Cân điện tử 3000gx0.01g và 300gx0.001g, tủ sấy, thùng rửa cốt liệu, tấm kính, que sắt, khay sấy	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
21	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006 AASHTO T21 ASTM C40	Cân điện tử 3000gx0.01g, bếp cách thủy, bình trụ thủy tinh 250ml và 10ml trong suốt, dung dịch NaOH kỹ thuật 3%, tananh dung dịch 2%, rượu êtylic dung dịch 1%, thang màu để so sánh	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
22	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006 ASTM D2938 JIS M0302	Máy ép thủy lực TYE-2000 và NYL-300, máy khoan, máy cắt, máy mài nước, thước kẹp, thùng ngâm mẫu	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
23	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06	Máy ép thủy lực, xilanh D75 và D150, cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn 2.5 và 1.25mm, tủ sấy, thùng ngâm mẫu	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
24	Độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06 AASHTO T96, T327 ASTM C131, C535	Máy Los Angeles, khay tôn, muồng xúc, cân điện tử 3000gx0.01g; bộ sàng kích thước 37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 6.3; 4.75; 2.63 và 1.7mm, tủ sấy	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
25	Xác định hàm lượng hạt thô dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006 AASHTO T335 ASTM D4791	Cân điện tử 30kgx1.0g và 3000gx0.01g, thước kẹp cài tiền, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, khay, muồng xúc	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
26	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006 AASHTO T112	Cân điện tử 30kgx1.0g và 3000gx0.01g, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, kim sắt và kim nhôm, búa con	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
27	Hạt nhẹ trong cốt liệu	AASHTO T113 ASTM C123	Cân điện tử 30kgx1.0g và 3000gx0.01g, thùng ngâm mẫu, muồng xúc, tủ sấy, tỷ trọng kế, dung dịch $ZnCl_2$	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
29	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006 AASHTO T335	Cân điện tử 30kgx1.0g và 3000gx0.01g, kính lúp	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
30	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	AASHTO T176 ASTM D2419	Bộ thí nghiệm đương lượng cát ES, hoá chất, que khuấy, máy lắc	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
31	Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 0,075mm	TCVN 9205:2012 AASHTO T11	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,1g; sàng 0,075mm; dụng cụ chứa mẫu, rửa mẫu; tủ sấy.	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
IV - THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG				
32	Lấy mẫu, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu	TCVN 2683:2012	Dụng cụ lấy mẫu: cuốc, xẻng, bay... Dụng cụ đựng mẫu: Thùng, khay, bao bì... Cân điện tử; búa cao su.	Dư Văn Biên; Trương Thế Danh

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
33	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012 AASHTO T100 ASTM D854	Cân điện tử 3000gx0.01g, bình tỷ trọng (100cm ³), cối chày sứ (đồng), sàng 2mm, bếp cát, tủ sấy, thiết bị ổn nhiệt, cốc nhỏ (hộp nhôm có nắp), dầu hỏa, bơm chân không (có cả bình hút chân không)	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
34	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12AASHTO T265, T273ASTM D2216	Tủ sấy, cân điện tử 3000gx0.01g, hộp nhôm có nắp, bình hút ẩm có hạt hút ẩm, sàng 1mm, cối và chày sứ có đầu bọc cao su, khay phơi đất, cân phân tích điện tử 300gx0.001g, sàng 0.5mm, cốc thủy tinh	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
35	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12 AASHTO T89, T90 ASTM D4318	Quả dọi thẳng bằng Vaxiliev, khuôn hình trụ kim loại, kính nhám, sàng 1mm, cối và chày sứ có đầu bọc cao su, bình thủy tinh có nắp, cân điện tử 3000gx0.01g, cốc thủy tinh, tủ sấy, bát sứ trắng men, dao trộn - dụng cụ Casagrande	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
36	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014 AASHTO T27, T88 ASTM C136, D422, D1140	Cân điện tử 3000gx0.01g, bộ sàng (10; 5; 2; 1,05; 0,25; 0,1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, tủ sấy, bình hút ẩm có clorua canxi, quả lê bằng cao su, dao con, cân kỹ thuật, máy sàng lắc, cân phân tích, tỷ trọng kế, bộ phận đun và làm lạnh, bình tam giác, nhiệt kế, que khuấy, đồng hồ bấm giây, máy rửa, ống hút, thước thẳng	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
37	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm; Đầm nén Proctor	TCVN 4201:12 TCVN 12790:20 22TCN 333:06 ASTM D1557, D698 AASHTO T99, T180	Chày cối đầm chặt tiêu chuẩn và cải tiến, bộ dụng cụ tháo mẫu, cân điện tử 30kgx1.0g và 3000gx0.01g, tủ sấy, sàng 19 và 4.75mm, dao gạt đất, khay tôn trộn đất, búa cao su, hộp nhôm	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
38	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012TCVN 8729:12 ASTM D2937BS 1377	Dao vòng bằng kim loại, thước cặp, dao cắt, cân kỹ thuật 3000gx0.01g, các tấm kính, bình xịt nước, hộp nhôm hoặc bình thủy tinh có nắp, tủ sấy, bình hút ẩm, muống xúc, khay nhôm, khay tôn hoa	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
39	Xác định chỉ số CBR của đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020 22TCN 332:06 ASTM D1883 AASHTO T193	Các bộ khuôn CBR tiêu chuẩn, chày đầm nén, đồng hồ so 5mmx0.01mm, máy nén CBR, thùng ngâm mẫu, cân điện tử 30kgx1.0g và 3000gx0.01g, tủ sấy, khay	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
V - THỬ NGHIỆM CƠ LÝ THÉP XÂY DỰNG VÀ MỎI HÀN				
40	Xác định kích thước hình học	TCVN 11227-2:2015 ISO 10799-2:2011	Thước kẹp, thước quận, thước góc	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
41	Thử uốn	TCVN 198:2008TCVN 5891:2008ISO 7438ASTM E290, A370AASHTO T285JIS Z2248	Máy kéo thủy lực vạn năng WE-1000B, máy cắt thép, thước thép 1000mmx0.5mm và phụ kiện (côt, đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ,..)	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
42	Thử kéo	TCVN 197:2014 TCVN 314:2008 ISO 6892-1:16 AASHTO T68 ASTM E8, A370 JIS Z2241, Z2201	Máy kéo thủy lực vạn năng WE-1000B, máy cắt thép, thiết bị khắc vạch mẫu, thước kẹp, dụng cụ Palme, cân điện tử 30kgx1.0g và 6000gx0.1g, thước lá kim loại	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
43	Thử uốn và uốn lại không hoàn toàn	TCVN 6287:1997	Máy kéo thủy lực vạn năng WE-1000B và phụ kiện uốn, tủ sấy	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
44	Thép làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực - Thanh, dảnh và dây dùng làm cốt: Xác định kích thước hình học, độ bền kéo, bền uốn và uốn lại	TCVN 7937:2013 TCVN 9391:2012 TCVN 6287:2097 ISO 15630:10 ASTM A1061	Máy kéo thủy lực vạn năng, các bộ ngàm kẹp chuẩn, bộ gối uốn và búa uốn các cỡ, extensometer, thiết bị khắc vạch mẫu, thước kẹp, dụng cụ Palme, cân điện tử 30kgx1.0g và các phụ kiện khác	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
45	Thép làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực - Phương pháp thử - Phần 2: Lưới hàn	TCVN 7937-2:2013 ISO 15630-2:2010	Máy kéo thủy lực vạn năng, các bộ ngàm kẹp chuẩn, bộ gối uốn và búa uốn các cỡ, extensometer, thiết bị khắc vạch mẫu, thước kẹp, dụng cụ Palme, cân điện tử 30kgx1.0g và các phụ kiện khác	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
46	Mối hàn - Phương pháp thử uốn	TCVN 5401:2010 ASTM E190 JIS Z3040	Máy kéo thủy lực vạn năng WE-1000B và phụ kiện uốn	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
47	Mối hàn - Phương pháp thử kéo	TCVN 5403:1991 ASTM A370 JIS Z3040	Máy kéo thủy lực vạn năng WE-1000B, thiết bị khắc vạch mẫu, thước kẹp, Palme, cân điện tử 30kgx1.0g, thước lá kim loại	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
48	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại - Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010	Máy kéo thủy lực vạn năng WE-1000B, thiết bị khắc vạch mẫu, thước kẹp, dụng cụ Palme, cân điện tử 30kgx1.0g, thước lá	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
49	Lớp phủ mạ kẽm - Phương pháp thử	TCVN 5408:2007 AASHTO T65 ASTM B487, E376	Máy đo chiều dày lớp phủ, các đầu dò, mẫu chuẩn, giấy ráp và các dụng cụ phụ trợ	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
50	Đo chiều dày lớp phủ - Chiều dày sơn	TCVN 5878:2007 ASTM D1186	Máy đo chiều dày lớp phủ, các đầu dò, mẫu chuẩn và các dụng cụ phụ trợ	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
51	Thử kéo bu lông, đai ốc	TCVN 1916:1995 TCVN 197:2014 TCVN 11741:2017 ASTM E8, A370 ISO 6892-1	Máy kéo thủy lực vạn năng WE-1000B, thước thép, ngàm kẹp bu lông	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
52	Thép cốt bê tông - Thử kéo mối nối bằng ống ren	TCVN 197:2014 TCVN 13711:2023 AASHTO T68 ASTM E8, A370	Máy kéo thủy lực vạn năng WE-1000B, thiết bị khắc vạch mẫu, thước kẹp, dụng cụ Palme, cân điện tử 30kgx1.0g, thước lá kim loại và các phụ kiện khác	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
53	Thử nghiệm cơ lý nhôm: Xác định độ bền kéo; độ giãn dài tương đối; độ cứng; hình dạng và dung sai kích thước	TCVN 12513:2018; TCVN 5838:1994; ASTM B557M; TCXDVN 330:2004	Máy kéo nén đa năng; thước kẹp điện tử; thước lá kim loại; máy đo độ cứng và các thiết bị phụ trợ gia công mẫu thí nghiệm.	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
54	Vật liệu kim loại - Ống - Thử nén bẹp	TCVN 1830:2008	Máy kéo nén đa năng; thước kẹp điện tử; thước lá kim loại; máy cắt gia công mẫu	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
VI - THỬ NGHIỆM CƠ LÝ CỦA BÊ TÔNG NHỰA				
55	Phương pháp xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011 ASTM D6927 AASHTO T167	Máy nén Marshall, bộ gia tải 50.8mm/min, cung lực 30kN, đồng hồ đo biến dạng, khuôn mẫu, búa đầm, gá mẫu, tủ sấy, bể ổn nhiệt, máy trộn, nhiệt kế, khay, bay, thước kẹp, cân điện tử 3000gx0.01g	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
56	Phương pháp xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:2011 ASTM D2172 AASHTO T164, T319	Máy quay li tâm, giấy lọc, tủ sấy, bếp điện, khay, cân điện tử 3000gx0.01g, ống đông, lò nung, cốc nung, bình hút ẩm, bay, chổi, Tricloro Ethylene C ₂ HCl ₃ , Amonium Carbonate (NH ₄) ₂ CO ₃ bão hòa	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
57	Phương pháp xác định thành phần hạt sau khi chiết tách nhựa	TCVN 8860-3:2011 AASHTO T30	Bộ sàng (50; 37.5; 25; 19; 16; 12.5; 9.5; 4.75; 2.36; 1.18; 0.6; 0.3; 0.15; 0.075 mm), tủ sấy, cân điện tử 3000gx0.01g	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
58	Phương pháp xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011 ASTM D2041 AASHTO T209	Bình tam giác, cân điện tử 3000gx0.01g, máy hút chân không, bình lọc hơi nước, áp kế, chân không kế, nhiệt kế, tủ sấy, khay, khăn lau	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
59	Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011 ASTM D2726 AASHTO T166 AASHTO T275	Cân điện tử 3000gx0.01g, cân thủy tĩnh 3000gx0.01g, rọ cân thủy tĩnh, bộ đầm tạo mẫu Marshall; nhiệt kế, thùng chứa nước	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
60	Phương pháp xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011 AASHTO T245	Tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, 3000gx0.01g, chảo trộn, bay	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
61	Phương pháp xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011 AASHTO T 304	Ống đông, phễu, giá đỡ, tấm kính, khay, dao gạt, cân điện tử 3000gx0.01g	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
62	Phương pháp xác định hệ số lu lèn	TCVN 8860-8:2011 AASHTO T230	Máy khoan, cân điện tử 3000gx0.01g, cân thủy tĩnh 3000gx0.01g, nhiệt kế, bể nước	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
63	Phương pháp xác định độ rỗng dư; xác định độ chối của hỗn hợp bê tông nhựa chặt	TCVN 8860-9:2011 AASHTO T269 TCVN 13567-1:2022 (Phụ lục D)	Chỉ tiêu tính toán; Cân điện tử 3000gx0.01g, cân thủy tĩnh 3000gx0.01g, rọ cân thủy tĩnh, bộ đầm tạo mẫu Marshall; nhiệt kế, thùng chứa nước	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
64	Phương pháp xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011 AASHTO T269	Chỉ tiêu tính toán	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
65	Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011 AASHTO T269	Chỉ tiêu tính toán	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
66	Phương pháp xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011 ASTM D6927 AASHTO T167	Máy nén Marshall, bộ gia tải 50.8mm/min, cung lực 10KN, đồng hồ đo biến dạng, khuôn mẫu, búa đầm, gá mẫu, tủ sấy, bể ổn nhiệt, máy trộn, nhiệt kế, khay, bay, thước kẹp, cân điện tử 3000gx0.01g	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
67	Phương pháp xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017 AASHTO T326	Thùng đóng, phễu đo, giá đỡ, tấm kính, khay, thanh gạt, cân điện tử, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn.	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
69	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011	Các thiết bị thí nghiệm phục vụ các chỉ tiêu cơ lý bê tông nhựa như trên đã thống kê.	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh

VII - THỬ NGHIỆM CƠ LÝ NHỰA ĐƯỜNG, NHỰA LỎNG VÀ NHỰA ĐƯỜNG POLIME

70	Xác định độ kim lún ở 25 ⁰ C và chỉ số độ kim lún PI	TCVN 7495:2005 TCVN 13567-1:2022 (Phụ lục A) ASTM D5 AASHTO T49	Máy đo độ kim lún, kim nặng 100g, đồng hồ bấm dây, nhiệt kế, chậu nhôm đáy phẳng, hộp nhôm, chậu đựng nước (15 lít)	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
71	Xác định độ kéo dài ở 25 ⁰ C	TCVN 7496:2005 ASTM D113 AASHTO T51	Máy kéo dài (5cm±0,5cm/ph), khuôn bằng đồng, nhiệt kế, chậu đựng nước, đèn cồn hay bếp dầu hỏa, dao cắt nhựa	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
72	Xác định nhiệt độ hoá mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005 ASTM D36 AASHTO T53 BS EN 1427	Khuôn tròn, bi tròn (Φ9,5±0,03mm), nặng 3,5±0,05g, khuôn treo, bình thủy tĩnh, nhiệt kế (200 ⁰ C±0,5 ⁰ C), đèn cồn	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
73	Xác định lượng tổn thất sau khi nung nóng ở 163 ⁰ C liên tục trong 5h	TCVN 7499:2005 ASTM D6 AASHTO T47	Bộ thí nghiệm tổn thất, cân điện tử 3000gx0.01g, bát sắt, bình hút ẩm	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
74	Xác định lượng hoà tan trong Trichloro Ethylene	TCVN 7500:2005 ASTM D2042 AASHTO T44	Dụng cụ lọc, bình erlenmeyer, tủ sấy, bình hút ẩm, cân phân tích 210gx0.0001g	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
75	Xác định khối lượng riêng ở 25 ⁰ C	TCVN 7501:2005 ASTM D70 AASHTO T228	Bình khối lượng riêng, cân điện tử 3000gx0.01g, tủ sấy, nhiệt kế 100 ⁰ C, chậu, nước cất, nước đá	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
76	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005 ASTM D1664 AASHTO T182	Dây buộc, bình thủy tinh, nước cất, bếp đun, nhiệt kế, giá treo mẫu	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
VIII - THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG				
77	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích, độ chặt của đất và cấp phối tại hiện trường bằng phương pháp dao dai và rót cát	TCVN 12791:2020 TCVN 8728:2012 TCVN 8729:2012 TCVN 8730:2012 22TCN 346:2006 AASHTO T204, T191ASTM D2937, D1556	Bộ dụng cụ dao dai, bộ phễu rót cát, cát chuẩn, cân điện tử 3000gx0.01g, cân điện tử 30kgx1.0g, dao gạt đất, hộp nhôm, chảo sấy, côn, chổi lông, bay nhọn, thùng chứa nước có vạch định lượng, khay nhôm, búa, cuốc chim, đục, xẻng, thước nivo, vòng chắn hình trụ bằng thép, các tấm nylon	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
78	Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3m	TCVN 8864:2011 ASTM E950, E1082	Thước dài 3m bằng nhôm, nêm có chiều dày 3; 5; 7; 10; 15mm, chổi quét	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
79	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cân đo võng Benkelman	TCVN 8867:2011 ASTM D4965 AASHTO T256	Cần đo võng tỷ lệ 2:1, đồng hồ so, xe đo tiêu chuẩn, giấy kẻ ôli, mỡ bôi, kích thủy lực và các dụng cụ phụ trợ	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
80	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011 AASHTO T222 ASTM D1196	Bộ tấm ép cứng, kích thủy lực, khung ép, đồng hồ đo biến dạng, đồng hồ bấm giây và các dụng cụ phụ trợ	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
81	Mặt đường ô tô - Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011 ASTM E965	Cát chuẩn, ống đong định lượng, bàn xoa có mặt bọc cao su và các dụng cụ phụ trợ	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
82	Đất xây dựng - Phương pháp xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012 AASHTO T121 ASTM D1195	Tấm nén, bộ phận neo, hệ thống đo tải trọng và độ lún, kích (chất tải), đồng hồ so và các dụng cụ phụ trợ	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
83	Cọc - Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012 AASHTO TP 104 ASTM D3689	Kích thủy lực, dầm chất tải, áp kế, đồng hồ so, giá đỡ đồng hồ đo biến dạng và các dụng cụ phụ trợ	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
84	Đo điện trở đất	TCVN 7447-5-54:2015 TCVN 9385:12	Máy đo điện trở nổi đất; 2 cọc kim loại, 1 quận dây điện.	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
85	Xác định lực và cường độ kéo nhỏ của vê tông; Thí nghiệm kéo nhỏ thép, bulong khoan cấy tại hiện trường	TCVN 9490:2012 TCVN 11741:2017 ASTM C900, E1512	Kích thủy lực rỗng tâm; bơm dầu thủy lực; các nêm kẹp; long đen và ecu.	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
IX - THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VỮA XÂY DỰNG				
86	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022	Bộ sàng (10; 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14 và 0,08 mm), tủ sấy, cân điện tử 3000gx0.01g	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
87	Xác định độ lưu động của vữa tươi; độ chảy	TCVN 3121-3:2022 TCVN 9204:12 ASTM C1437, C939	Cân điện tử 3000gx0.01g, thước kẹp, bay, chảo trộn mẫu, bàn dẫn quay tay, khâu hình côn tiêu chuẩn	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
88	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022 BS EN 1015-6	Bình trụ tròn bằng sắt có dung tích 1000 ± 2ml, chày đầm vữa, dụng cụ thử độ lưu động, cân điện tử 30kgx1.0g; dao thép, bay, chảo sắt	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
89	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022	Máy hút chân không, đồng hồ đo áp lực chân không, bình chứa 1 lít, phễu đường kính trong 154-156mm, cao 20cm, đồng hồ bấm giây, giấy lọc, bàn dần quay tay	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
90	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-10:2022 BS EN 1015-10	Cân điện tử 3000gx0.01g, tủ sấy, thước kẹp 200mmx0.02mm; cân thủy tĩnh điện tử 3000gx0.01g	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
91	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:22 TCVN 9204:12 TCVN 13480-2:22 ASTM C109, C349, C348, C942	Khuôn 4x4x16cm, chày đầm mẫu, thùng bảo dưỡng mẫu, mảnh vải cotton, giấy lọc định tính, tấm kính, máy nén thủy lực NYL300, gá định vị uốn, gá định vị nén	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
92	Xác định cường độ dính bám của vữa đã đóng rắn trên nền	TCVN 3121-12:22 TCVN 13480-8:22 ASTM C1583	Vòng thép hình nón cụt, tấm đầu kéo, keo gắn, máy thử độ bám dính, tủ dưỡng hộ nhiệt ẩm và các dụng cụ phụ trợ	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
93	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022 ASTM C1403	Cân điện tử 30kgx1.0g và 3000gx0.01g, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, thước kẹp	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
94	Vữa xi măng trộn sẵn không co: Xác định độ tách nước	TCVN 9204:2012 ASTM C939, C940	Ổng đóng thủy tinh có vạch chia; phễu đo độ chảy; ca đựng mẫu; muồng xúc	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
95	Thiết kế thành phần cấp phối vữa	TCVN 4459:1987	Máy trộn; bàn dần tạo mẫu; dụng cụ thử độ linh động; cân kỹ thuật; khuôn đúc mẫu; thùng bảo dưỡng; thước đo	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
X - THỬ NGHIỆM CƠ LÝ CÁC LOẠI GẠCH XÂY DỰNG				
96	Thử nghiệm cơ lý gạch xây (Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, cường độ bền nén, cường độ bền uốn, độ hút nước, khối lượng thể tích, độ rỗng, vết tróc do vôi, độ thoát muối)	TCVN 6355:2009 ASTM C67 AASHTO T32	Thước kẹp, thước thép kim loại, êke, máy ép thủy lực, máy cắt, thước đo, các tấm kính để làm phẳng vữa trát mặt mẫu, bay, chảo trộn vữa xi măng, bộ gá uốn mẫu gạch xây, cân điện tử 30kgx1g, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, cát tiêu chuẩn, tủ dưỡng hộ nhiệt ẩm, khay inock, bình chứa nước	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
97	Thử nghiệm cơ lý gạch bê tông (Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan, xác định độ rỗng, cường độ nén, độ thấm nước, độ hút nước)	TCVN 6477:2016 ASTM C140	Thước lá thép, các miếng kính phẳng, bay, chảo trộn, thước kẹp 300mmx0.02mm, máy nén thủy lực NYL300, cân kỹ thuật (độ chính xác 1g), cát khô, khay chứa nước, bộ dụng cụ thử thấm, đệm cao su, phễu, ống đo nước, tủ sấy, thùng ngâm mẫu	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
98	Thử nghiệm cơ lý gạch bê tông tự chèn (Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan, xác định cường độ nén, độ hút nước)	TCVN 6476:1999 ASTM C140	Thước lá thép, thước kẹp 300mmx0.02mm, các miếng kính phẳng, bay, chảo trộn, máy nén thủy lực NYL300, cân điện tử 30kgx1g và 3000gx0.01g, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, vật liệu mài (cát tiêu chuẩn), máy mài.	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh
99	Thử nghiệm cơ lý sản phẩm bê tông nhẹ; Bê tông bọt; Bê tông khí không chưng áp; Bê tông khí chưng áp (Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, xác định kích thước, độ vuông góc, độ thẳng cạnh và độ phẳng mặt, cường độ nén, độ ẩm và khối lượng thể tích khô, độ hút nước)	TCVN 9030:17ASTM C1962-25	Thước kẹp 300mmx0.02mm, thước thép kim loại 1000mmx1mm, thước ke kim loại, thước nivo, bộ căn lá thép, máy nén thủy lực TYA 300, cân điện tử 30kgx1g, 3000gx0.01g, tủ sấy, bay, chảo trộn, các tấm kính phẳng, tủ dưỡng hộ nhiệt ẩm, thước kẹp điện tử, đầu đo độ co khô, thùng ngâm mẫu, khăn lau mẫu, bình hút ẩm, máy cắt gia công mẫu	Mai Thanh Tùng; Dư Văn Biên; Trương Thế Danh

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
100	Thử nghiệm cơ lý gạch Tezaro (Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước, xác định độ hút nước bề mặt, độ bền uốn)	TCVN 7744:2013	Thước thép chính xác 0.1 mm, thước nivo, thước lá, tủ sấy, cân 30kgx1g, cân 3000gx0.01g, khăn ẩm, thùng chứa nước, sáp nến, bàn chải, nước máy, máy mài mòn, hạt mài, thước kẹp 200mmx0.02mm, kính lúp, bút chì, máy nén thủy lực NYL300, gá uốn mẫu gạch, bay, chảo trộn, các tấm kính phẳng, máy cắt mẫu	Mai Thanh Tùng; Đur Văn Biên; Trương Thế Danh

Công ty TNHH Giám định Chất lượng Công trình chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố, cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**



GD. Dương Minh Tuấn

